

QUY HOẠCH KHU/CỤM CÔNG NGHIỆP CHO CÁC DOANH NGHIỆP CÔNG NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ Ở NÔNG THÔN THEO HƯỚNG CNH-HĐH NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG THÔN

GS.TSKH. Ngô Thế Thi
Trường Đại học Xây dựng

Để có phương hướng và giải pháp đúng đắn cho việc quy hoạch *khucum* công nghiệp cho các doanh nghiệp công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn (gọi tắt là: Khu công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn – KCN&N NT), trước tiên cần làm rõ và thống nhất một số quan điểm, bắt đầu từ một số khái niệm có liên quan.

Công nghiệp hóa-hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn (CNH-HĐH NN&NT):
Để hiểu các nhiệm vụ CNH-HĐH NN&NT một cách cụ thể, cần làm rõ và phân biệt 2 phạm trù: CNH-HĐH NN và CNH-HĐH NT.

CNH-HĐH NN là quá trình chuyển nền nông nghiệp sản xuất nhỏ, lạc hậu, phân tán sang nền nông nghiệp sản xuất lớn với kỹ thuật và công nghệ tiên tiến, trình độ chuyên canh cao, trên cơ sở áp dụng rộng rãi thủy lợi hóa, cơ khí hóa, điện khí hóa, hóa học hóa, sinh học hóa và bước đầu áp dụng tự động hóa, tin học hóa. Quá trình CNH-HĐH NN là một quá trình lâu dài mà nội dung chủ yếu là áp dụng những tiến bộ khoa học-kỹ thuật, khoa học quản lý và các hình thức tổ chức sản xuất theo lối công nghiệp vào sản xuất nông-lâm-ngư nghiệp, tạo ra sự liên kết chặt chẽ giữa nông nghiệp và công nghiệp, nhằm nâng cao năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm chi phí lao động xã hội và thời gian sản xuất.

CNH-HĐH NT là quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng tăng nhanh tỷ trọng giá trị sản phẩm và lao động trong các ngành công nghiệp và dịch vụ, giảm dần tỷ trọng sản phẩm và lao động nông nghiệp, quy hoạch phát triển tổng hợp kinh tế-xã hội, hiện đại hóa kết cấu cơ sở hạ tầng, bảo vệ môi trường sinh thái; tổ chức lại sản xuất và xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp, xây dựng nông thôn mới, dân chủ, công bằng, văn minh, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và văn hóa cho nhân dân ở nông thôn.

Như vậy CNH-HĐH NN&NT là quá trình chuyển nền kinh tế ở nông thôn từ sản xuất chủ yếu theo lối thủ công, phân tán sang sản xuất theo lối công nghiệp, tập trung với các kỹ thuật và phương pháp hiện đại nhằm tạo ra năng suất lao động xã hội cao hơn và cuộc sống văn minh có chất lượng cao ở nông thôn.

Công nghiệp nông thôn (CNNT):

Trong thực tế, khi nói tới CNNT người ta thường có 3 quan điểm khác nhau:

- Theo quan điểm phát triển lãnh thổ, CNNT được xem như một phần của kinh tế vùng, kinh tế địa phương, phát triển theo tỷ lệ và nhịp độ hợp lý trong mối tương quan với các lĩnh vực kinh tế khác của địa phương. Kết quả là CN địa phương có thể bị tách rời khỏi định hướng phát triển CN chung của cả nước.
- Theo quan điểm phát triển ngành, CNNT được coi là một bộ phận của chiến lược phát triển ngành CN, đóng tại vùng nông thôn, có mối liên kết chặt chẽ với các cơ sở khác của ngành. Kết quả là sự phát triển của CNNT trở thành

một phần trong tổng thể phát triển ngành CN nhưng không khai thác và phát huy hết tiềm năng đa dạng và phong phú của địa phương.

- Theo quan điểm phát triển tổng hợp kinh tế-xã hội, sự phát triển CNNT được coi như một giải pháp phát triển sản xuất, tạo việc làm và thu nhập cho người lao động, tiếp thu tiến bộ khoa học-kỹ thuật, phương thức lao động công nghiệp, v.v...

Kinh nghiệm phát triển trên thế giới và trong nước cho thấy những đặc trưng cơ bản của CNNT là: (bảng 1)

- Địa điểm thường gắn với các điểm dân cư nông thôn, các thị trấn, huyện lỵ, làng xã, thậm chí với các hộ gia đình.
- Cung cấp việc làm và tạo thu nhập cho người dân ở nông thôn, đặc biệt cho những người thiếu ruộng canh tác. Sử dụng chủ yếu lao động địa phương, bao gồm cả lao động chuyên nghiệp và bán chuyên nghiệp.
- Nguyên liệu đầu vào cho CNNT chủ yếu là từ sản xuất nông-lâm-ngư nghiệp của địa phương sở tại và của các địa phương khác.
- Qui mô của các cơ sở CNNT đa số là vừa và nhỏ, thậm chí rất nhỏ, bao gồm cả các hoạt động sản xuất TTCN của các hộ gia đình.
- Trình độ kỹ thuật đa số ở mức trung bình và thấp hơn so với các cơ sở ở các đô thị. Do đó năng suất lao động không cao.
- Các hoạt động dịch vụ phi nông nghiệp như: xây dựng, vận chuyển, cung cấp đầu vào cho nông nghiệp, du lịch,... cũng được coi là cơ sở phát triển CNNT và là yếu tố thúc đẩy quá trình CNH NT.

Như vậy CNNT là một bộ phận của hệ thống công nghiệp quốc gia, bao gồm các cơ sở sản xuất CN thuộc nhiều thành phần kinh tế, với trình độ công nghệ, cơ cấu ngành nghề và qui mô sản xuất khác nhau, gắn với các điểm dân cư nông thôn và có quan hệ tương hỗ, thúc đẩy sự phát triển tổng hợp kinh tế-xã hội ở nông thôn.

Theo quan niệm trên, CNNT có thể bao gồm các loại hình sản xuất:

- Nhóm ngành CN có tính chất phục vụ CNH-HĐH NN&NT, như: điện, cơ khí, hóa chất,...
- Nhóm ngành CN có điều kiện phát triển ở khu vực nông thôn, như: chế biến nông-lâm-thủy sản, dệt may, da giày, vật liệu xây dựng, khai khoáng,...
- Các ngành nghề TTCN, làng nghề, như: thủ công truyền thống (cói, mây, tre, nứa, thêu ren, dệt, gốm sứ, đồ bạc, đồ gỗ,...), thủ công mỹ nghệ (tranh-tượng gỗ, sơn mài, khảm,...), các sản phẩm thực phẩm, đồ uống, giấy, thuộc da, cơ kim khí, vật liệu xây dựng,...
- Xây dựng, vận tải và các dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống.

Bảng 1: Đặc trưng của công nghiệp nông thôn

Vị trí	Đặt tại vùng nông thôn, gắn với các điểm dân cư nông thôn.
Lao động	Chủ yếu là lao động tại chỗ từ nông thôn.
Nguyên liệu	Chủ yếu là các sản phẩm từ nông-lâm –thủy sản của địa phương.
Trình độ kỹ thuật	Đa số trung bình và thấp. Năng suất lao động thấp.
Qui mô các	Có qui mô từ lớn đến nhỏ, thậm chí rất nhỏ.

DN	
Các loại hình DN	Các DN, Cty nhà nước và tư nhân, HTX TTCN, Tổ hợp sản xuất TTCN kết hợp kinh doanh, các hộ cá thể, hộ gia đình sản xuất và kinh doanh TTCN, các loại hình DN phi nông nghiệp khác khác.
Các loại hình CN	CN phục vụ CNH-HĐH NN&NT: điện, cơ khí, hóa chất,... CN phát triển chủ yếu dựa vào tiềm năng ở nông thôn: chế biến nông-lâm-thủy sản, dệt may, da giày, VLXD, khai khoáng,... TTCN, làng nghề: thủ công truyền thống, thủ công mỹ nghệ, thực phẩm, đồ uống, giấy, cơ kim khí, VLXD,...
Các hoạt động khác	Xây dựng, vận chuyển, cung cấp đầu vào cho nông nghiệp, du lịch, v.v...

Doanh nghiệp công nghiệp vừa và nhỏ (DNCNV&N):

Theo Nghị định 90/2001/NĐ-CP, ngày 23/11/2001 của chính phủ: *DNV&N là cơ sở sản xuất, kinh doanh độc lập, đã đăng ký kinh doanh theo pháp luật hiện hành, có vốn đăng ký không quá 10 tỷ đồng hoặc số lao động trung bình không quá 300 người.*

DNCNV&N ở nông thôn là các doanh nghiệp sản xuất CN và TTCN. Các doanh nghiệp này có thể được hình thành từ các cơ sở sản xuất của địa phương, từ các làng nghề TTCN, sử dụng nguồn nguyên liệu và lao động địa phương, nhưng cũng có thể được hình thành từ các doanh nghiệp của các địa phương khác, nhằm tận dụng nguồn nguyên liệu sẵn có và lao động dư thừa ở địa phương. Sản phẩm làm ra có thể tiêu thụ tại thị trường trong nước và nước ngoài. DNCNV&N phân bố đều khắp và chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số doanh nghiệp và có vai trò quan trọng trong quá trình phát triển KT-XH nông thôn.

Theo kết quả tổng điều tra các cơ sở kinh tế năm 2002 trên phạm vi cả nước có 7642 DNCNV&N. Ngành tập trung nhiều DNV&N là CN chế biến và sản xuất chế tạo, chiếm 91,4% tổng số các cơ sở CN ở nông thôn, trong đó: thực phẩm, đồ uống (35,5%), thủy tinh, gốm sứ, VLXD (11,4%), chế biến gỗ, lâm sản(8,9%), khai thác(7,1%), cơ kim khí (6,2%), đồ mộc nội ngoại thất (5,6%). Các vùng có tỷ lệ tập trung cao các DNCNV&N là: Đồng bằng sông Cửu long (31,2%), Đông Nam bộ (25,8%), Đồng bằng sông Hồng (22,7%).

Việc khuyến khích và tạo điều kiện phát triển các DNCNV&N ở NT góp phần:

- Thúc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ NN sang CN và DV ở nông thôn.
- Tạo việc làm tại chỗ và tăng thu nhập cho người lao động ở nông thôn.
- Khai thác, tận dụng có hiệu quả tiềm năng (vốn,lao động,tài nguyên) của địa phương.
- Tạo tiền đề hình thành các khu tập trung CN và DV theo hướng đô thị hóa ở nông thôn. Hỗ trợ và kích thích sự phát triển các ngành nghề TTCN và làng nghề ở nông thôn.
- Đảm bảo sự phát triển ổn định và tăng trưởng bền vững của KT-XH nông thôn.

Ngành nghề TTCN và làng nghề nông thôn:

là những hoạt động kinh tế phi nông nghiệp ở nông thôn, bao gồm: sản xuất TTCN, SX hàng thủ công mỹ nghệ và các dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống dân cư nông thôn, với các thành phần và loại hình kinh tế khác nhau (hộ gia đình, cá nhân, tổ-nhóm hợp tác, HTX, DN tư nhân, Cty TNHH, Cty cổ phần,...), sử dụng các nguồn lực của địa phương.

Việc khuyến khích phát triển ngành nghề TTCN và làng nghề nông thôn góp phần:

- Tạo việc làm và thu nhập cho người lao động ở nông thôn.
- Thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu XH nông thôn theo hướng tăng hộ giàu, giảm hộ nghèo, nâng cao đời sống toàn diện cho người dân.
- Thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, xây dựng nông thôn mới theo hướng CNH-HĐH và phát triển bền vững.
- Giữ gìn và phát huy truyền thống và bản sắc văn hóa địa phương.

Như vậy, cùng với các DNCNV&N ở nông thôn, các ngành nghề TTCN và làng nghề ở nông thôn đã bao trùm các đối tượng và các loại hình SX-KD chủ yếu ở khu vực nông thôn, tạo nên toàn cảnh CNNT, một chủ thể quan trọng trong quá trình phát triển KT-XH nông thôn và một yếu tố thúc đẩy quá trình CNH-HĐH nông thôn.

Mô hình tập trung các cơ sở sản xuất CN-TTCN ở nông thôn:

Việc tập trung các cơ sở SXCN-TTCN ở nông thôn trong các khu/cụm CN, làng nghề là một xu hướng tiến bộ KH-KT trong quy hoạch CN và là một yêu cầu tất yếu của quá trình CNH-HĐH NN&NT. Việc hình thành các khu/cụm CNNT sẽ góp phần tiết kiệm đất đai, tiết kiệm đầu tư cơ sở hạ tầng, tạo điều kiện tiếp thu công nghệ mới, hiện đại, hợp tác sản xuất, phát huy hiệu quả sản xuất, giảm bớt ô nhiễm và bảo vệ môi trường.

Hiện nay ở Việt nam có các mô hình tập trung CN theo nghị định 36/CP, ngày 24/4/1997 của Chính phủ là: Khu công nghiệp (KCN), Khu chế xuất (KCX), Khu công nghệ cao (KCNC), gọi chung là Khu công nghiệp tập trung (KCNTT).

Theo định nghĩa thì KCNTT có đặc điểm tách biệt hoàn toàn giữa khu sản xuất và khu ở. Thực tế phát triển CN và QHCN cho thấy mô hình KCNTT thích hợp với các doanh nghiệp lớn và trung bình, có vốn đầu tư trong và ngoài nước và gắn với cơ cấu các đô thị. KCNTT không thích hợp và không thu hút được số lượng rất lớn các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở khu vực nông thôn, đa số gắn với SX TTCN, làng nghề, có những đặc trưng riêng về sự hình thành và phát triển, gắn với các điểm dân cư nông thôn (làng xã, huyện lỵ, thị tứ, thị trấn,...).

Xuất phát từ quan niệm về CNH-HĐH NN&NT và đối tượng của CNNT, việc tập trung các cơ sở SX CN&TTCN ở nông thôn có thể được khái quát trong 3 mô hình quy hoạch và không gian sau:

- *Làng nghề*: tập trung các cơ sở sản xuất TTCN, với các loại hình doanh nghiệp như HTX, tổ hợp SX, hộ cá thể, hộ gia đình, có qui mô nhỏ, kết hợp chặt chẽ các chức năng SX-ở-DV, gắn liền với cơ cấu làng xã.
- *Khu/cụm CN cho các doanh nghiệp CNV&N (KCNV&N)*: tập trung các cơ sở SXCN và TTCN, với các loại hình doanh nghiệp được tổ chức theo luật doanh nghiệp, công ty (nhà nước và tư nhân), có qui mô vừa và nhỏ, không gian sản xuất và ở có thể tách biệt hoặc kết hợp với nhau, gắn liền với các trung tâm dân cư nông thôn (trung tâm xã/cụm xã, huyện lỵ, thị tứ, thị trấn).

- *Khu CN tập trung (KCNTT)*: tập trung các cơ sở SXCN, với các loại hình doanh nghiệp được tổ chức theo luật doanh nghiệp và luật công ty, có qui mô lớn và trung bình, không gian SX và ở tách biệt nhau, gắn liền với các trung tâm dân cư nông thôn hoặc các đô thị loại nhỏ.

Ba mô hình trên có thể đáp ứng yêu cầu QH không gian các loại hình sản xuất và các tổ chức doanh nghiệp trên địa bàn nông thôn theo hướng tập trung, chuyên môn hóa và hợp tác sản xuất. Ba mô hình này có thể hoạt động độc lập hoặc có thể kết hợp với nhau tùy theo điều kiện phát triển của từng địa phương. (bảng 2).

Trong 3 mô hình trên thì mô hình QH khu/cụm CN cho các doanh nghiệp CNV&N và làng nghề là phổ biến và chủ yếu ở khu vực nông thôn.

Mô hình làng nghề phù hợp với các doanh nghiệp có qui mô sản xuất nhỏ, nhu cầu đất đai, mặt bằng SX và lao động không lớn, trình độ kỹ thuật không cao, mức ô nhiễm ít. Khi các doanh nghiệp trong làng nghề có nhu cầu phát triển thành các doanh nghiệp vừa và lớn, với yêu cầu mở rộng mặt bằng và không gian SX, tăng số lao động và hiện đại hóa công nghệ thì mô hình làng nghề sẽ không còn phù hợp mà phải chuyển sang mô hình KCNV&N.

Mô hình KCNV&N ở nông thôn là mô hình chuyển tiếp giữa mô hình làng nghề và mô hình KCNTT, phù hợp với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, có yêu cầu mặt bằng, không gian SX và lao động lớn hơn, có trình độ kỹ thuật-công nghệ cao hơn so với làng nghề và có khả năng phát triển thành các doanh nghiệp lớn và vừa. KCNV&N ở nông thôn có xu hướng tách biệt các không gian SX-ở-DV.

Tùy theo cơ cấu ngành nghề sản xuất trong khu mà có thể hình thành KCN đa ngành hoặc KCN chuyên ngành.

Cả 3 mô hình qui hoạch công nghiệp trên đều có thể vận dụng cho các vùng kinh tế khác nhau với sự chú ý tới những điều kiện và đặc điểm của mỗi vùng.

Như vậy ở khu vực nông thôn, việc tập trung CN theo 3 mô hình làng nghề, KCNV&N và KCNTT sẽ đáp ứng yêu cầu phát triển CNNT. Các mô hình này tồn tại song song và bổ xung hỗ trợ nhau phát triển. Tính truyền thống và văn hóa của làng nghề vẫn được duy trì, phát huy và phát triển, cơ cấu làng xã vẫn ổn định và bền vững trong quá trình CNH-HĐH và đô thị hóa nông thôn.

Bảng 2: Đặc trưng của các mô hình tập trung CN ở nông thôn.

Các đặc trưng chủ yếu	KCN tập trung	KCNV&N	Làng nghề
Loại hình DN	DNCN lớn và trung bình	DNCN vừa và nhỏ, DN TTCN	DN TTCN nhỏ,
Loại hình tổ chức SX	DN, CTy nhà nước và tư nhân	DN,CTy nhà nước và tư nhân	HTX,Tổ hợp SX, hộ gia đình, cá thể
Vị trí địa điểm	Gắn với đô thị nhỏ	Gắn với trung tâm dân cư nông thôn	Gắn với điểm dân cư nông thôn
Lao động	Địa phương và nơi khác đến	Chủ yếu tại chỗ địa phương	Tại chỗ địa phương
Trình độ lao động	Cao, được đào tạo	Trung bình, được đào tạo	Thấp, tự phát
Nguồn nguyên liệu	Từ địa phương và nơi khác đến	Từ địa phương là chính	Từ địa phương

Ngành SX	CN phục vụ CNH-HĐH và CN khác	CN và TTCN gắn với nông-lâm-thủy sản	TTCN và làng nghề
Trình độ SX	CN	CN và TTCN	TTCN
Mối quan hệ chức năng	SX tách biệt ở và DV	SX tách biệt hoặc kết hợp ở và DV	SX kết hợp ở và DV
Qui mô diện tích	> 30ha	10 đến 30ha	< 10ha
Nhu cầu không gian nhà xưởng	lớn	trung bình và nhỏ	nhỏ.

Qui mô của các KCN&N ở nông thôn:

Việc xác định qui mô cho các KCN ở nông thôn là một vấn đề phức tạp, có liên quan và phụ thuộc nhiều yếu tố, vì vậy cần nghiên cứu và vận dụng nhiều phương pháp và căn cứ vào nhiều cơ sở khác nhau để có thể lựa chọn qui mô hợp lý, như: qui mô sản xuất, qui mô diện tích, số lượng lao động, vốn đầu tư cơ sở hạ tầng,...

- Về qui mô sản xuất: Đối với các KCN&N thường lưu ý lựa chọn qui mô phù hợp với khả năng huy động vốn, quản lý, vận hành, trình độ công nghệ, khả năng khai thác có hiệu quả trang thiết bị, tận dụng lao động địa phương, khả năng phát triển mở rộng trong tương lai và tạo điều kiện rút ngắn thời gian xây dựng để đưa KCN vào sản xuất sớm, thu hồi vốn đầu tư nhanh. Việc lựa chọn qui mô SX cho các KCN&N ở nông thôn thường không lớn và do đó không có nhiều vấn đề phức tạp và gay gắt như đối với các KCNTT lớn.
- Về qui mô diện tích: Căn cứ xác định qui mô diện tích cho các KCN&N ở nông thôn là: Nhu cầu diện tích của các DN trước mắt và trong tương lai, Quy hoạch sử dụng đất của địa phương trên cơ sở định hướng phát triển KT-XH, Khả năng đầu tư, xây dựng và khai thác cơ sở hạ tầng KCN, Yêu cầu bảo vệ vệ sinh và bảo vệ môi trường, Yêu cầu mở rộng và phát triển trong tương lai,...

Diện tích KCN có thể được xác định theo số lượng lao động hoặc có thể xác định theo dân số điểm dân cư tùy theo đặc điểm ngành nghề sản xuất.

Theo kinh nghiệm phát triển nước ngoài và thực tế phát triển trong nước cũng như qua kết quả NCKH, có thể xác định qui mô diện tích hợp lý cho các KCN&N ở nông thôn là từ 10 đến 30 ha, hoặc lớn hơn, tới 50ha, trong đó

phổ

biến là từ 10 đến 20ha; còn qui mô hợp lý cho làng nghề là < 10ha.

- Về qui mô số lượng lao động: Số lượng lao động trong các KCN&N có thể được xác định dựa vào diện tích KCN hoặc các chỉ tiêu diện tích cho một lao động theo ngành nghề sản xuất (bảng 3).

Bảng 3: Chỉ tiêu diện tích cho 1 lao động theo một số ngành CN

Ngành SX	m ² / người	người / ha
Gia công kim loại	200	50
Lắp ráp, sửa chữa cơ khí	90	111
Chế biến thực phẩm	133	75

Dệt may, da giày	42	238
Đồ gỗ	164	61
TTCN	36	278
VLXD	156	64
Bột giấy	100	100

Vị trí địa điểm của các KCN&N ở nông thôn:

Yêu cầu có tính nguyên tắc đặt ra đối với địa điểm xây dựng KCN&N ở NT là phải gắn với các điểm dân cư nông thôn.

Ngày nay, cùng với sự phát triển KT-XH của đất nước, theo qui luật của quá trình đô thị hóa, nông thôn không thuần túy chỉ có làng xã mà còn bao gồm cả những thị tứ, thị trấn và thành phố nhỏ, mà sự tồn tại và phát triển của chúng phụ thuộc vào khu vực nông thôn. Ranh giới giữa đô thị và nông thôn không còn cách biệt và cứng nhắc như trước mà ngày càng xen cài linh hoạt và đa dạng. Trong đô thị có nông thôn và ngược lại trong nông thôn có đô thị.

Tùy theo đặc điểm quá trình tập trung các cơ sở CNNT mà mối quan hệ vị trí địa điểm của các KCN so với các điểm dân cư có khác nhau, ví dụ: Làng nghề gắn với làng xã, trung tâm xã/cụm xã; KCN&N gắn với TT xã/cụm xã, huyện lỵ, thị trấn; KCNTT gắn với huyện lỵ, thị trấn, đô thị nhỏ.

Việc lựa chọn địa điểm xây dựng KCN ở nông thôn về nguyên lý cũng phải tuân theo những nguyên tắc và yêu cầu chung với sự chú ý tới những đặc thù của CNNT, như:

- Phù hợp với quy hoạch tổng thể khu vực, bảo đảm sự phát triển bền vững trong toàn khu vực.
- Đáp ứng yêu cầu diện tích xây dựng trước mắt và yêu cầu mở rộng trong tương lai.
- Thuận lợi về giao thông, gần các đầu mối cung ứng hạ tầng kỹ thuật.
- Gần nguồn cung cấp, nơi thu gom nguyên liệu và nơi tiêu thụ sản phẩm.
- Tạo điều kiện liên kết và hợp tác với các cơ sở SX hiện có trong khu vực.
- Bảo đảm yêu cầu vệ sinh và bảo vệ môi trường: khoảng cách ly, nằm cuối hướng gió và cuối chiều nước chảy so với khu ở và nghỉ ngơi.
- Bảo đảm mối quan hệ hợp lý và thuận lợi với nơi ở và phục vụ công cộng.
- V.v...

Nội dung chính của công tác quy hoạch KCN&N ở nông thôn:

Bước chuẩn bị;

- Quy hoạch chung toàn khu vực.
- Phân tích mối quan hệ vùng và khu vực (các mối quan hệ đô thị-nông thôn, SX-ở-DV, CN địa phương và trung ương,...).
- Phân tích đánh giá hiện trạng khu vực xây dựng CN: điều kiện tự nhiên-khí hậu, KT-XH, sử dụng đất, QH-KT, hạ tầng kỹ thuật và xã hội. cảnh quan, môi trường, v.v...
- Xác định mô hình QH không gian KCN.
- Xác định cơ cấu ngành nghề, tính chất sản xuất của KCN.
- Xác định và dự báo qui mô KCN.
- Lựa chọn địa điểm, xác định vị trí và ranh giới QH KCN.

Bước quy hoạch và tổ chức không gian:

- Xác định cơ cấu chức năng và phân khu chức năng KCN.
- Quy hoạch sử dụng đất và tổ chức không gian KCN.
- Quy hoạch tổng mặt bằng các khu chức năng trong KCN: khu các nhà máy và công trình SX, khu trung tâm điều hành, khu các công trình phục vụ giao thông và bảo đảm kỹ thuật, khu ở và PVCC hoặc khu kết hợp SX-ở (nếu có), khu cây xanh, khu dự phòng phát triển,...
- Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật KCN: san nền, giao thông, cấp-thoát nước, cấp điện, thông tin liên lạc,...
- Những chỉ dẫn thiết kế kiến trúc công trình và cảnh quan nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển tổng thể KCN và sự phát triển bền vững của khu vực.
- Chỉ dẫn các bước tiến hành quy hoạch-xây dựng KCN: chuẩn bị, thực hiện, khai thác sử dụng và quản lý.

Kết luận:

Việc hình thành và phát triển các khu/cụm công nghiệp cho các doanh nghiệp công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn là một xu hướng tiến bộ KH-KT và là một yêu cầu tất yếu của quá trình CNH-HĐH NN&NT và phù hợp với chủ trương, chính sách phát triển KT-XH khu vực nông thôn của Đảng và nhà nước.

Việc nghiên cứu và giải quyết đúng đắn các vấn đề quy hoạch và tổ chức không gian các KCN V&N ở nông thôn sẽ góp phần thiết thực thúc đẩy sự phát triển CNNT nói riêng cũng như sự phát triển KT-XH ở nông thôn nói chung theo hướng CNH-HĐH và phát triển bền vững./.

Tài liệu tham khảo:

- Nghị định số 134/2004/NĐ-CP, ngày 9/6/2004 của chính phủ về khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn.
- Nghị định số 90/2001/NĐ-CP, ngày 23/11/2001 của chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- Nghị định số 132/2000/QĐ-TTg, ngày 24/11/2000 của Thủ tướng CP về một số chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn.
- Nghị định số 36/CP, ngày 24/4/1997 của chính phủ về qui chế KCN, KCX, KCNC.
- Tạ Quỳnh Hoa, *QH và tổ chức không gian KCN cho các DNCNV&N ở nông thôn Hà nội*. LV thạc sĩ-Hà nội, 2001.